

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH  
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025  
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT        | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                      | NSDP                  | CHIA RA              |                      |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
|            |                                                                                                                                                                                               |                       | NGÂN SÁCH CẤP TỈNH   | NGÂN SÁCH XÃ         |
|            | <b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>                                                                                                                                                          | <b>15.005.824,000</b> | <b>6.520.493,738</b> | <b>8.485.330,262</b> |
| <b>A</b>   | <b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>                                                                                                                                                       | <b>10.967.706,000</b> | <b>4.052.301,339</b> | <b>6.915.404,661</b> |
| <b>I</b>   | <b>Chi đầu tư phát triển</b>                                                                                                                                                                  | <b>1.028.940,000</b>  | <b>916.720,845</b>   | <b>112.219,155</b>   |
| 1          | Chi đầu tư cho các dự án                                                                                                                                                                      | 1.015.940,758         | 903.721,603          | 112.219,155          |
|            | Trong đó chia theo lĩnh vực:                                                                                                                                                                  |                       |                      |                      |
| -          | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                                                                                                                                                            | 500,000               | 500,000              |                      |
| -          | Chi khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                     | 14.700,000            | 14.700,000           |                      |
|            | Trong đó chia theo nguồn vốn:                                                                                                                                                                 |                       |                      |                      |
| -          | Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất                                                                                                                                                      | 172.000,000           | 172.000,000          |                      |
| -          | Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết                                                                                                                                                      | 15.000,000            |                      | 15.000,000           |
| 2          | Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật | 1.000,000             | 1.000,000            |                      |
| 3          | Chi đầu tư phát triển khác                                                                                                                                                                    | 11.999,242            | 11.999,242           |                      |
| <b>II</b>  | <b>Chi thường xuyên</b>                                                                                                                                                                       | <b>9.713.008,000</b>  | <b>3.049.593,120</b> | <b>6.663.414,880</b> |
|            | Trong đó:                                                                                                                                                                                     |                       |                      |                      |
| 1          | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                                                                                                                                                            | 4.352.795,000         | 689.890,535          | 3.662.904,465        |
| 2          | Chi khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                     | 25.660,000            | 25.660,000           |                      |
| <b>III</b> | <b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>                                                                                                                                 | <b>4.700,000</b>      | <b>4.700,000</b>     |                      |
| <b>IV</b>  | <b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>                                                                                                                                                       | <b>1.300,000</b>      | <b>1.300,000</b>     |                      |
| <b>V</b>   | <b>Dự phòng ngân sách</b>                                                                                                                                                                     | <b>219.758,000</b>    | <b>79.987,374</b>    | <b>139.770,626</b>   |
| <b>VI</b>  | <b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>                                                                                                                                                   | <b>0,000</b>          | <b>0,000</b>         | <b>0,000</b>         |
| <b>B</b>   | <b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>                                                                                                                                                          | <b>3.926.630,000</b>  | <b>2.356.704,399</b> | <b>1.569.925,601</b> |
| <b>I</b>   | <b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>                                                                                                                                                 | <b>954.644,000</b>    | <b>67.268,215</b>    | <b>887.375,785</b>   |
| 1          | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới                                                                                                                                                      | 79.069,000            | 9.881,646            | 69.187,354           |
| 2          | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững                                                                                                                                                         | 253.806,000           | 30.721,569           | 223.084,431          |
| 3          | Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                                                                                      | 621.769,000           | 26.665,000           | 595.104,000          |
| <b>II</b>  | <b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>                                                                                                                                                | <b>2.971.986,000</b>  | <b>2.289.436,184</b> | <b>682.549,816</b>   |
| <b>C</b>   | <b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>                                                                                                                                                          | <b>0,000</b>          | <b>0,000</b>         | <b>0,000</b>         |
| <b>D</b>   | <b>CHI TỪ NGUỒN TĂNG THU</b> (bao gồm tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất 39 tỷ; số tăng thu còn lại 72,488 tỷ, thực hiện chi cải cách tiền lương theo quy định)                           | <b>111.488,000</b>    | <b>111.488,000</b>   |                      |